

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hăng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị R, sinh năm 1975.

Địa chỉ cư trú: Số **, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Chí T, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Số **, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Lê Thị R có mặt tại phiên tòa, anh Huỳnh Chí T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Thị R trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị R và anh Huỳnh Chí T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 23/01/2006. Hôn nhân giữa chị R và anh T được xây dựng trên cơ sở mai mối, sau đó, tìm hiểu và kết hôn.

Chị R và anh T chung sống hạnh phúc từ 2006 đến năm 2017. Đến năm 2018, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không lo cho gia đình, không phụ giúp tiền trong việc nuôi dưỡng con chung. Chị R và anh T sống ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian ly thân thì chị R và anh T có tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Chị R xác định, hiện nay giữa chị và anh T không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài.

Nay chị Lê Thị R yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí T.

Về con chung: Chị R và anh T có ba con chung tên Huỳnh Minh G, sinh ngày 10/9/1998; Huỳnh Thị P, sinh ngày 10/01/2006 và Huỳnh Thị P1, sinh ngày 23/9/2012. Hiện nay, con chung tên Huỳnh Minh G đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung là Huỳnh Thị P, Huỳnh Thị P1 đang sống chung với chị R.

Chị R yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Thị P và Huỳnh Thị P1, yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật với mức cấp dưỡng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Chí T không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị R.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao chứng thực);
- Giấy khai sinh của Huỳnh Minh G (Bản sao).
- Giấy khai sinh của Huỳnh Thị P (Bản sao).
- Trích lục khai sinh của Huỳnh Thị P1 (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị R và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Huỳnh Chí T cư trú tại Số **, khóm PM, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Chí T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị R yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí T.

Xét thấy, chị R và anh T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 23/01/2006, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không lo cho gia đình, không phụ giúp tiền trong việc nuôi dưỡng con chung. Chị R và anh T ly thân từ năm 2018 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hơn nữa, chị R xác định, chị R và anh T không còn tình cảm với nhau, không còn chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị R và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Lê Thị R yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Chí T là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị R yêu cầu được nuôi con chung tên Huỳnh Thị P, sinh ngày 10/01/2006 và Huỳnh Thị P1, sinh ngày 23/9/2012.

Xét thấy, hiện nay chị R đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu P và cháu P1. Tại Bản khai ngày 17/3/2021, cháu P có nguyện vọng sống chung với chị R. Đối với cháu P1 có nguyện vọng sống chung với anh T. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian sống ly thân từ năm 2018 đến nay, anh T không sinh sống ổn định tại địa phương, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P và cháu P1. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu P và cháu P1 phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu P và cháu P1 cho chị R nuôi dưỡng. Vì vậy, chị R yêu cầu nuôi con chung tên Huỳnh Thị P, sinh ngày 10/01/2006 và Huỳnh Thị P1,

sinh ngày 23/9/2012 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Xét thấy, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, chị R yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đến khi cháu P và cháu P1 thành niên và có khả năng lao động là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị R xác định, không yêu cầu giải quyết; anh T không có Văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị R là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị R phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình, anh Huỳnh Chí T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị R.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị R được ly hôn với anh Huỳnh Chí T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Huỳnh Thị P, sinh ngày 10/01/2006 và Huỳnh Thị P1, sinh ngày 23/9/2012 cho chị Lê Thị R trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị R và anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Buộc anh Huỳnh Chí T cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Thị P, sinh ngày 10/01/2006 và Huỳnh Thị P1, sinh ngày 23/9/2012, với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi Huỳnh Thị P và Huỳnh Thị P1 thành niên và có khả năng lao động.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0011176 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị R đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình.

Buộc anh Huỳnh Chí T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã PL, huyện TB, tỉnh ĐT (Số 05, ngày 23/01/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên